

ITÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -12-2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Trung và ông Nguyễn Văn Thống

-Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hải Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lã Thị N, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái

(Chị N, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Lã Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Kim T trên cơ sở có được tìm hiểu tự nguyện, không ai cưỡng ép, vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 25-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, đến tháng 8-2024 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người một ý, không ai chịu nghe ai, hai bên đã sống ly thân được 4 tháng trở lại đây, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Kim N1, sinh ngày 18-12-2011 và Nguyễn Thị Cao K, sinh ngày 23-8-2014. Chị có nguyện vọng giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng cho cháu K là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày có quyết định ly hôn và không cấp dưỡng cho cháu N1.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – Anh Nguyễn Kim T có lời khai thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lã Thị N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống không có gì mâu thuẫn nhưng giữa hai vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, chị N có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác nhưng anh không có bằng chứng nên giữa hai bên có xảy ra cãi nhau. Mặc dù, chung sống cùng nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, hai bên đã thực sự sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị N làm đơn xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn có thể cho chị N cơ hội để quay về đoàn tụ với gia đình nuôi dạy con cái nhưng nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Kim N1, sinh ngày 18-12-2011 và Nguyễn Thị Cao K, sinh ngày 23-8-2014. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu K là: 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho cháu N1.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn Kim N1 và cháu Nguyễn Thị Cao K đều có nguyện vọng ở với bố là Nguyễn Kim T.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hoà giải nhưng không thành

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện

đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hướng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị N để xử cho chị Lã Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Kim T. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 18-12-2011 và Nguyễn Thị Cao K, sinh ngày 23-8-2014 cho anh Nguyễn Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, chị N cấp dưỡng cho cháu K là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 27-12-2024; Về án phí: Chị Lã Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Kim T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái giải quyết vụ án nên yêu cầu ly hôn của chị Lã Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Lã Thị N và anh Nguyễn Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Chị N và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị N và anh Nguyễn Kim T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 25-8-2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận trong quá trình chung sống hai bên có xảy ra cãi nhau do anh không có sự tin tưởng đối với chị N, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa nhưng anh không nhất trí ly hôn và mong muốn chị N quay về đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị

được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Lã Thị N và anh Nguyễn Kim T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Lã Thị N là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lã Thị N được ly hôn anh Nguyễn Kim T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Lã Thị N và anh Nguyễn Kim T có hai con chung là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 18-12-2011 và Nguyễn Thị Cao K, sinh ngày 23-8-2014. Hai bên đều thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị N cấp dưỡng cho cháu K là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án. Xét thỏa thuận của anh chị là không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Lã Thị N và anh Nguyễn Kim T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lã Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị N được ly hôn anh Nguyễn Kim T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 18-12-2011 và Nguyễn Thị Cao K, sinh ngày 23-8-2014 cho anh Nguyễn Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, chị N cấp dưỡng cho cháu K là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 27-12-2024.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Kim T cho đến khi thi hành án xong, chị Lã Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lã Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0000352 ngày 18-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, chị N còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã Tân Hương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

